

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

PHẠM ĐỨC DŨNG

**QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT
TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành : Tài chính – Ngân hàng
Mã số : 60.34.20

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Người hướng dẫn khoa học : PGS- TS LÂM CHÍ DŨNG

Đà Nẵng, năm 2010

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro đặc thù của các Ngân hàng thương mại, rủi ro lãi suất có ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập cũng như giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Hệ thống Ngân hàng (NH) Việt Nam hiện nay vẫn chưa có cách tiếp cận khoa học và theo chuẩn mực quốc tế đối với quản trị rủi ro lãi suất. Thực tế công tác quản trị lãi suất nói chung, cũng như quản trị rủi ro lãi suất nói riêng tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn tỉnh Quảng Nam (NHNo tỉnh Quảng Nam) chưa được chú trọng. Rủi ro lãi suất vẫn xuất hiện và tác động đến nhiều mặt hoạt động của ngân hàng. Đặc biệt, năm 2009, rủi ro lãi suất đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận của các đơn vị trực thuộc trên toàn chi nhánh, gây khó khăn cho đời sống cán bộ nhân viên đơn vị (không đủ quỹ thu nhập để chi lương theo chế độ)

Thực tế trên đã đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết nhằm giúp NHNo tỉnh Quảng Nam kiểm soát và hạn chế rủi ro lãi suất, giúp đơn vị phát triển an toàn và bền vững.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận về quản trị rủi ro lãi suất.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng Quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Những vấn đề lý luận về lãi suất và Quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM cũng như các chính sách và hoạt động thực tiễn về Quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp về vấn đề Quản trị

rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

- Phạm vi nghiên cứu :

Luận văn nghiên cứu giới hạn về thực tế hoạt động Quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam và đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh cũng như áp dụng tại các chi nhánh thuộc hệ thống NHNo Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện, luận văn dựa trên cơ sở vận dụng phép duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp như:

- Phương pháp phân tích.
- Phương pháp thống kê, tổng hợp.
- Phương pháp so sánh.

Đồng thời dựa vào các lý luận, quan điểm kinh tế, tài chính và định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, xuất phát từ thực tiễn để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu.

5. Kết quả những nghiên cứu trước về rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

Tại chi nhánh NHNo tỉnh Quảng Nam, chưa có nghiên cứu nào về rủi ro lãi suất.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Nhận thức và hoàn thiện những lý luận cơ bản về lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất.
- Đánh giá những mặt đạt được và chưa được của công tác quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp góp phần hạn chế rủi ro lãi suất tại chi nhánh.
- Ứng dụng những phương pháp quản trị rủi ro lãi suất khoa học vào hoạt động tại chi nhánh.

7. Kết cấu của luận văn

- Ngoài lời mở đầu, kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương :

+ Chương 1 : Lý luận chung về Lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM.

+ Chương 2 : Thực trạng Quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

+ Chương 3 : Các giải pháp hoàn thiện Quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ LÃI SUẤT VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI NHTM.

1.1 Những vấn đề chung về lãi suất

1.1.1 Khái niệm và phân loại lãi suất

1.1.1.1 Khái niệm lãi suất

- Theo C. Mác, lãi suất là một phần giá trị thặng dư mà người đi vay tạo ra và được trả cho người cho vay từ quá trình chu chuyển vốn tín dụng theo công thức T-T' và được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng lợi tức thu được từ vốn cho vay trong thời gian một năm so với vốn cho vay.

- Lãi suất hay lợi tức được hình thành từ tỷ suất lợi nhuận của người đi vay do đó luôn nhỏ hơn tỷ suất lợi nhuận bình quân của nền kinh tế.

- Một số khái niệm về lãi suất của các nhà kinh tế học hiện đại như Keynes, Marshall, Peter S.Rose.

+ Phát biểu lại khái niệm lãi suất : “ *Lãi suất là giá cả của một khoản vay, phần giá trị dôi ra ngoài số vốn gốc ban đầu mà người đi vay trả cho người cho vay về việc sử dụng vốn của người đó trong một khoảng thời gian nhất định*”.

Lãi suất được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa giá trị dôi ra và số vốn gốc ban đầu trong một khoản thời gian nhất định, thường là một năm.

1.1.1.2 Phân loại lãi suất

- *Phân loại theo loại hình tín dụng*: Có các loại lãi suất sau:

Lãi suất tín dụng thương mại, lãi suất tín dụng ngân hàng, lãi suất tín dụng nhà nước.

- *Phân loại theo giá trị thực của lãi suất* : gồm lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực. Quan hệ giữa lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực theo Irving fisher: **Lãi suất danh nghĩa = Lãi suất thực + Mức lạm phát dự tính**. Hay **Lãi suất thực = Lãi suất danh nghĩa - Mức lạm phát dự tính**. Như vậy với một lãi suất danh nghĩa cho trước, lạm phát dự tính và lãi suất thực sẽ biến thiên ngược chiều nhau

- *Phân loại theo tính chất hợp đồng kinh tế* : có lãi suất cố định, lãi suất thả nổi.

- *Một số loại lãi suất thông dụng trong nền kinh tế*

1.1.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất

1.1.2.1 Mức cung cầu về tiền tệ

Mức cung tiền tệ là tổng thể tiền tệ được sử dụng để giao dịch thanh toán trên thị trường. Mức cung tiền tệ được kiểm soát bởi chính phủ. Công chúng và Doanh nghiệp... cần tiền để làm phương tiện trao đổi, mua bán... tạo nên cầu về tiền tệ. Lãi suất được xác định khi lượng cầu tiền vay bằng lượng cung tiền vay.

1.1.2.2 Cung - Cầu quỹ cho vay

Theo lý thuyết quỹ cho vay, lãi suất được quyết định bởi Cung - Cầu quỹ cho vay trên thị trường.

Lãi suất cho vay được xác định khi cầu quỹ cho vay bằng cung quỹ cho vay.

1.1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến cung- cầu quỹ cho vay ;

- *Lạm phát dự tính* : Với một mức lãi suất cho trước, lạm phát dự tính tăng lên sẽ làm cho lãi suất thực giảm xuống do đó người đi vay sẽ được lợi. Từ đó

làm tăng cầu quỹ cho vay. Đường cầu quỹ cho vay dịch chuyển sang phải với mọi mức lãi suất.

Khi lạm phát dự tính tăng lên, lãi suất thực sẽ giảm, giá cả hàng hoá tăng, làm tăng giá trị của tài sản thực. Tiền tệ mất giá làm sụt giảm lợi tức dự tính của tài sản tài chính, gây bất lợi đối với người cho vay. Vì thế cung quỹ cho vay sẽ giảm xuống. Đường cung quỹ cho vay dịch chuyển sang trái.

Kết hợp phân tích cung - cầu quỹ cho vay cho thấy khi lạm phát dự tính tăng sẽ làm lãi suất có xu hướng tăng.

- *Sự ổn định của nền kinh tế* : Nền kinh tế ổn định, người dân ít có nhu cầu giữ tiền vì có nhiều cơ hội đầu tư (ít rủi ro). Đường cung dịch chuyển sang phải với mọi mức lãi suất. Ngược lại, kinh tế suy tế suy thoái, đường cung dịch chuyển sang trái. Tương tự đối với cầu quỹ cho vay. Như vậy, khi kinh tế ổn định hay suy thoái sẽ làm cho đường cung và đường cầu quỹ cho vay dịch chuyển. Mức độ dịch chuyển đường các đường này khác nhau sẽ làm cho lãi suất thay đổi.

- *Sự ưu thích tiền mặt* : Lý thuyết trọng thanh khoản hay lý thuyết ưu thích tiền mặt : Theo Keynes, lãi suất là giá phải trả để có tiền. Con người nắm giữ tiền vì nhiều mục đích. Tuy nhiên những thay đổi về lãi suất có thể làm thay đổi sự mong muốn nắm giữ tiền của cá nhân so với các tài sản tài chính khác (trái phiếu)

- *Rủi ro, tính lỏng, thuế và kỳ hạn của tài sản tài chính*.

+ *Rủi ro*: Một tài sản tài chính có rủi ro cao hơn so với các tài sản cùng loại thì mức cầu về tài sản đó giảm, do đó cung quỹ cho vay giảm, đường cung quỹ cho vay dịch chuyển sang trái và lãi suất cân bằng tăng.

+ *Tính lỏng* (Tính thanh khoản): Tính lỏng của một tài sản tài chính được quyết định bởi 2 yếu tố : khả năng chuyển đổi sang tiền mặt và chi phí quản lý, chi phí hoán chuyển sang tiền mặt.

Một tài sản tài chính có tính lỏng càng cao, cầu quỹ cho vay tăng lên, làm cho cung quỹ cho vay tăng theo, đường cung quỹ cho vay dịch chuyển sang bên phải, lãi suất cân bằng giảm và ngược lại.

+Một tài sản tài chính có cùng rủi ro, tính lỏng và thuế có thể có lãi suất khác nhau vì có kỳ hạn thanh toán khác nhau, tính tương quan của các yếu tố này có thể được giải thích bởi các lý thuyết khác nhau sau đây:

**Lý thuyết dự tính .*

**Lý thuyết thị trường phân cách .*

**Lý thuyết môi trường ưu tiên.*

- *Chính sách của nhà nước* : gồm chính sách tài chính và chính sách tiền tệ.

+ *Chính sách tài chính*: Những thay đổi trong chính sách này tác động trực tiếp đến thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ, từ đó ảnh hưởng lên lãi suất cân bằng.

+ *Chính sách tiền tệ* :Chính sách tiền tệ của NHNN theo từng thời kỳ phát triển kinh tế sẽ tác động đến khối lượng tín dụng mà ngân hàng cung cấp cho nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng đến lãi suất thị trường.

1.1.3 Vai trò của lãi suất trong nền kinh tế thị trường.

Lãi suất là phương tiện kích thích lợi ích vật chất để thu hút mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế thị trường, là công cụ kích thích đầu tư phát triển kinh tế. Lãi suất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ngân hàng. Lãi suất còn là một trong những công cụ đánh giá sức khoẻ của nền kinh tế. Lãi suất là công cụ vĩ mô điều tiết nền kinh tế.

1.2 Quản trị rủi ro lãi suất trong NHTM

1.2.1 Lãi suất và vai trò của lãi suất đối với NHTM

1.2.1.1 Lãi suất trong kinh doanh ngân hàng

- *Lãi suất tiền gửi.*

- *Lãi suất cho vay* : là tỷ lệ giữa số tiền mà người đi vay phải chi trả so với số tiền mà anh ta nhận được trong một thời kỳ nhất định. Lãi suất cho vay của một ngân hàng bao gồm ít nhất 4 yếu tố: chi phí huy động vốn,

chi phí bù đắp việc quản lý và thực hiện khoản vay, trang trải các loại rủi ro và là lãi suất phải chứa đựng phần lợi nhuận hợp lý của ngân hàng.

- *Lãi suất hiệu dụng*: là tỷ lệ giữa tiền lãi, phí so với quỹ cho vay ròng.

1.2.1.2 Vai trò của lãi suất đối với NHTM

- Lãi suất đóng vai trò như một đòn bẩy kinh tế cực kỳ lợi hại trong một ngân hàng.

- Trong hoạt động huy động vốn : Lãi suất cho phép ngân hàng xác định qui mô nguồn vốn phù hợp với các mức lãi suất và chi phí chấp nhận được.

- Trong hoạt động cho vay, lãi suất cho phép ngân hàng chọn lựa được khách hàng mình mong muốn.

- Tóm lại, lãi suất tác động đến cả đầu vào và đầu ra của ngân hàng, nên khi lãi suất thay đổi ngân hàng sẽ đối mặt với một loại rủi ro tiềm tàng, đó là rủi ro lãi suất.

1.2.2 Rủi ro lãi suất

1.2.2.1 Khái niệm rủi ro lãi suất.

- Timothy W.Koch cho rằng : Rủi ro lãi suất là sự thay đổi tiềm tàng về thu nhập lãi ròng và giá thị trường của vốn ngân hàng xuất phát từ sự thay đổi của mức lãi suất.

- Rủi ro lãi suất là những rủi ro mà các chủ thể kinh tế gặp phải khi có biến động lãi suất. Nếu như toàn bộ các chủ thể kinh tế đều có nguy cơ gặp rủi ro thì tất nhiên ngân hàng và các tổ chức tín dụng cũng là những đơn vị dễ gặp rủi ro nhất do đặt thù hoạt động của tổ chức này. Rủi ro lãi suất phát sinh khi lãi suất ngân hàng thay đổi làm Ngân hàng bị thiệt hại do giảm lợi nhuận và giảm giá trị ròng của ngân hàng. - Lê Văn Tư

Khái niệm về rủi ro lãi suất của Timothy W.Koch chỉ rõ bản chất của rủi ro lãi suất hơn.

- Yếu tố làm xuất hiện rủi ro lãi suất : Lãi suất biến động và lợi nhuận của NH giảm do chênh lệch lãi suất đầu ra- đầu vào giảm hoặc giá trị ròng của NH giảm.

- Nguyên nhân của rủi ro lãi suất : Sự không phù hợp về kỳ hạn, tính thanh khoản và qui mô của tài sản so với kỳ hạn, tính thanh khoản và qui mô của nợ.

1.2.2.2 Các dạng rủi ro lãi suất và tác động của nó đến hoạt động ngân hàng

- *Rủi ro tái tài trợ (Refinancing risk)*: Rủi ro mà lợi nhuận của ngân hàng giảm do chi phí tái huy động vốn cao hơn tiền lãi của các khoản đầu tư khi kỳ hạn của tài sản đầu tư dài hơn kỳ hạn của vốn huy động (Short-funded) khi lãi suất thị trường tăng.

- *Rủi ro tái đầu tư (Reinvestment Risk)*: Là rủi ro mà lợi nhuận ngân hàng giảm do thu nhập từ lãi của các tài sản đầu tư thấp hơn chi phí tái huy động vốn do kỳ hạn của tài sản đầu tư ngắn hơn kỳ hạn của vốn huy động (Long-funded) trong điều kiện lãi suất thị trường giảm.

- *Rủi ro giá trị thị trường (Market Value Risk)* : Là rủi ro mà giá trị ròng của ngân hàng (Giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu) giảm do biến động bất lợi trong giá trị thị trường của tài sản và nợ .

1.2.3 Quản trị rủi ro lãi suất trong NHTM

1.2.3.1 Mục tiêu của quản trị rủi ro lãi suất trong NHTM.

+ Mục tiêu mang tính đầu cơ trước sự biến động của lãi suất - gắn với chiến lược bảo vệ chủ động.

+ Mục tiêu bảo vệ thuần : Hạn chế tới mức tối thiểu mọi ảnh hưởng xấu của sự biến động lãi suất đến thu nhập của ngân hàng .

1.2.3.2 Quy trình quản trị rủi ro lãi suất.

- Quy trình quản trị rủi ro lãi suất là một quá trình gắn với việc quản trị tài sản nợ- tài sản có, và phải bao gồm các bước sau:

Xác định rủi ro (Nhận dạng) : là giai đoạn ngân hàng dự đoán sự biến động của lãi suất và nhận biết chiều hướng ảnh hưởng của lãi suất đối với ngân hàng .

Đo lường rủi ro (Đánh giá) : Sử dụng các mô hình để định lượng rủi ro lãi suất. Các mô hình NH thường sử dụng : Mô hình kỳ hạn đến hạn, mô hình định giá lại và mô hình thời lượng

Giám sát rủi ro lãi suất (Kiểm soát) : gồm các chiến lược sau :

+ Né tránh/ Từ bỏ (Avoidance)/Elimination

+ Giảm thiểu (Reduction)

+ Ngăn ngừa (Prevention)

+ Chuyển giao (Transfer)

Tài trợ rủi ro: việc chuẩn bị các nguồn tài chính để bù đắp khi rủi ro lãi suất xảy ra.

1.2.3.3 Các phương pháp quản trị rủi ro lãi suất

Các NHTM thường sử dụng các phương pháp Quản trị rủi ro lãi suất như sau :

- Phương pháp quản trị độ lệch (khe hở) nhạy cảm lãi suất (GAPrs)

+Phân tích độ lệch (khe hở) nhạy cảm lãi suất :GAPrs

$$\text{GAPrs} = \begin{array}{c} \text{Tài sản nhạy} \\ \text{cảm lãi suất} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Nợ nhạy cảm} \\ \text{Lãi suất} \end{array}$$

GAPrs = 0 , không có rủi ro lãi suất

GAPrs <0 , rủi ro lãi suất xuất hiện nếu lãi suất tăng

GAPrs >0, rủi ro lãi suất xuất hiện nếu lãi suất giảm

+ Quản trị độ lệch (khe hở) nhạy cảm lãi suất

Chiến lược quản trị chủ động (Bảo vệ năng động):

Sự tiên đoán lãi suất tăng thường đi kèm với một độ lệch dương.

Nếu dự đoán lãi suất giảm, nhà quản trị sẽ đưa danh mục đến độ lệch âm.

+ Chiến lược quản trị thụ động (Chiến lược bảo vệ thuần) : Nhằm mục tiêu là bảo vệ thu nhập của ngân hàng trước biến động của lãi suất. Một chiến lược thụ động nhằm hạn chế những bất ổn trong thu nhập lãi. Chiến lược thụ động nhằm vào việc duy trì sự cân bằng giữa giá trị tài sản nhạy cảm và nợ nhạy cảm lãi suất.

- Phương pháp quản trị độ lệch (khe hở) thời lượng.

Thời lượng (D- Duration) là thời gian đo lường trung bình đối với các khoản lưu chuyển tiền tệ của các chứng khoán hoặc các dòng tiền thu về gồm vốn gốc và lãi của các khoản cho vay. Được xác định trên cơ sở giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai.

+ Quản trị độ lệch thời lượng.

Khi trạng thái độ lệch thời lượng dương (thời lượng tài sản dài hơn thời lượng nợ). Lãi suất tăng sẽ làm giảm giá trị thị trường của vốn và ngược lại trong trạng thái độ lệch thời lượng âm lãi suất tăng sẽ làm tăng giá trị thị trường của vốn và ngược lại . Nếu độ lệch bằng không thì sự biến động của lãi suất không ảnh hưởng đến giá trị thị trường của vốn.

- Chiến lược quản trị chủ động sẽ tìm cách nâng cao thu nhập kèm theo sự thay đổi thời lượng trước khi có sự biến động của lãi suất.

Ngược lại, chiến lược quản trị thụ động, hướng đến việc sắp xếp để cho thời lượng tài sản bằng thời lượng nợ để tránh tổn thất khi lãi suất biến động.

1.2.4 Các nhân tố ảnh hưởng và vai trò ý nghĩa của Quản trị rủi ro lãi suất đối với NHTM

1.2.4.1 Các nhân tố ảnh hưởng

- Nhân tố bên ngoài ngân hàng gồm : Môi trường kinh tế vĩ mô, hành lang pháp lý về vấn đề quản trị rủi ro lãi suất của NHNN, Địa bàn hoạt động của NH .

- Nhân tố bên trong Ngân hàng

- + Trình độ của nhân đội ngũ quản trị viên, nhân viên ngân hàng
- + Năng lực ngân hàng .
- + Ý chí của lãnh đạo đơn vị

1.2.4.2 Vai trò, ý nghĩa của quản trị rủi ro lãi suất trong ngân hàng thương mại

- Quản trị rủi ro lãi suất giúp ổn định thu nhập, hạn chế rủi ro, đảm bảo giá trị vốn ngân hàng

- Quản trị rủi ro lãi suất giúp tăng cường tính an toàn, ổn định trong kinh doanh.

- Quản trị rủi ro lãi suất giúp phát huy lợi thế cạnh tranh.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI

NHNN&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Tổng quan về NHNN Quảng Nam

2.1.1 Những đặc trưng cơ bản về hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam

2.1.1.1 Sự ra đời và phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam.

2.1.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam

- Tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

- Nhiệm vụ cụ thể theo phòng ban.

2.1.1.3 Thực trạng đội ngũ cán bộ, nhân viên tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam.

Đến cuối năm 2009, toàn chi nhánh có 412 lao động, trong đó: 01 Tiến sĩ kinh tế và 01 Nghiên cứu sinh, 27 Thạc sỹ , 50 cán bộ viên chức đang học cao học, 43 cán bộ đảng viên đã tốt nghiệp cử nhân chính trị, 17 cán bộ đảng viên đã tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị; 92,96% cán bộ viên chức có trình độ đại học và sau đại học; 60% cán bộ viên chức là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam

2.1.2 Một số kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam thời gian qua.

2.1.2.1 Kết quả hoạt động huy động vốn.

Nguồn huy động của chi nhánh tăng trưởng khá bền vững - thể hiện

qua sự gia tăng liên tục của nguồn tiền gửi từ dân cư- (Bảng 2.1). Tuy nhiên điều bất lợi đối với chi nhánh là nguồn tiền gửi kỳ hạn dài và thị phần về hoạt động này của chi nhánh trên địa bàn đang sụt giảm.

2.1.2.2 Kết quả hoạt động sử dụng vốn.

- Trong cơ cấu dư nợ của chi nhánh, dư nợ hộ gia đình chiếm tỷ trọng chủ yếu (trên 60% tổng dư nợ)- Bảng 2.2

- Cũng như thị phần huy động vốn, thị phần sử dụng vốn của chi nhánh đang giảm mạnh - năm 2005 là 41,58% và năm 2009 là 19,43%- trong tổng thị phần của ngân hàng Quảng Nam.

2.1.2.3 Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2005- 2009.

- Kết quả kinh doanh thời gian qua của chi nhánh thời gian qua là tốt, hầu hết các năm chỉ tiêu lợi nhuận đều đạt kế hoạch đề ra (trừ 2006).- Bảng 2.3.

- Thu, chi từ lãi vẫn chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng thu, tổng chi của ngân hàng.

- Năm 2009, mặc dù qui mô hoạt động của chi nhánh vẫn tăng trưởng khá so với các năm trước nhưng tốc độ tăng lợi nhuận là thấp hơn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả này, một trong những nguyên nhân đó là do ảnh hưởng của rủi ro lãi suất giai đoạn 2008-2009.

2.2 Chính sách lãi suất của NHNN Việt Nam ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất của các NHTM.

- NHNN điều hành lãi suất theo cơ chế khác nhau, công tác quản trị lãi suất của các NHTM cũng khác theo.

- Cùng với thời gian và xu thế hội nhập, cơ chế điều hành lãi suất của NHNN đang từng bước hướng đến tự do hoá lãi suất.

- Diễn biến cơ chế điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam thời gian qua có thể được khái quát như sau:

- + Giai đoạn lãi suất cơ bản với biên độ (Từ tháng 8/2000)
- + Giai đoạn lãi suất thả nổi (30/5/2002)- Quyết định 546/QĐ-NHNN

+ Giai đoạn điều hành theo lãi suất cơ bản (16/05/2008) - Quyết định 16/QĐ-NHNN.

+ Giai đoạn điều hành theo lãi suất thả nổi.

2.3 Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

2.3.1. Diễn biến lãi suất trong kinh doanh và rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

Diễn biến lãi suất huy động, cho vay của chi nhánh- Bảng 2.4- cho thấy chênh lệch lãi suất cho vay – huy động đang có xu hướng giảm chứng tỏ mức độ khốc liệt trong cạnh tranh lãi suất trên địa bàn ngày càng gia tăng. Đây là thách thức lớn của chi nhánh. Sự biến động của lãi suất trong những tháng cuối năm 2009 đã gây ra tác động bất lợi đối với chi nhánh. Bảng 2.5 cho thấy sự mất cân đối về kỳ hạn trong cơ cấu dư nợ cho vay và huy động vốn tại NHNo tỉnh Quảng Nam. Trong cơ cấu nguồn vốn của chi nhánh, nguồn vốn ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao (Bình quân trên 65%), nguồn vốn trung, dài hạn thấp (dưới 35%) trong khi đó, dư nợ cho vay trung, dài hạn luôn chiếm tỷ trọng trên 40%. Đây là một bất lợi cho chi nhánh khi lãi suất thị trường tăng.

Bảng 2.6 Tình hình tài sản có- tài sản nợ nhạy cảm lãi suất ngày 31/12/2009

DVT :triệu đồng

Tài sản nợ nhạy cảm lãi suất(RSL)	Tài sản có nhạy cảm lãi suất (RSA)
-Tiền gửi KKH:và CKH < 12 tháng: 756.173 -Tiền gửi CKH 12-24 tháng : 25.710 - Tiền gửi > 24 tháng: 7.528	- Cho vay ngắn hạn: 51.803 - Cho vay trung hạn : 9.121
Tổng cộng : 789.411	Tổng cộng: 60.924

(Nguồn NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam)

$$\text{GAPrs} = \text{RSA-RSL} = -728,487$$

Với cơ cấu tài sản nợ- có như trên, chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam sẽ chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất.

Mỗi phần trăm tăng lên của lãi suất trong thời điểm này (giả sử lãi suất TSC, TSN biến động như nhau) sẽ làm thu nhập ngân hàng giảm đi 7.285 triệu đồng (-7.285 x 1%)

2.3.2 Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

2.3.2.1 Thực trạng công tác quản lý lãi suất tại NHNo Quảng Nam

- Về cách quản lý lãi suất : Trước đây, lãi suất kinh doanh do hội sở qui định thống nhất trong toàn chi nhánh, không chế ở một số loại hình tiền gửi và cho vay. Từ năm 2008 đến nay, đặc biệt từ sau quyết định 16/QĐ-NHNN (19.5.2008), Hội sở đã giao quyền xác định lãi suất tiền gửi, tiền vay cho chi nhánh trực thuộc.

- Về phương thức quản lý lãi suất : Phương thức quản lý lãi suất của chi nhánh hầu hết theo cách cố định lãi suất hoàn toàn (đặc biệt là lãi suất tiền gửi).

- Về việc xác định lãi suất trong kinh doanh : Hiện nay, lãi suất chi nhánh được xác định trên cơ sở chênh lệch lãi suất tiền vay, tiền gửi là thực dương và trên cơ sở lãi suất cơ bản cũng như định hướng lãi suất của NHNN công bố từng thời kỳ.

+ Phương pháp xác định lãi suất tiền vay : Tùy từng thời kỳ có cách xác định khác nhau, nhưng nhìn chung, không có cơ sở khoa học nào rõ ràng mà chủ yếu là dựa trên việc tham khảo lãi suất các NH trên địa bàn.

+ Phương pháp xác định lãi suất tiền gửi : Còn rất đơn giản, chủ yếu trên cơ sở dự kiến lãi suất đầu ra và chênh lệch lãi suất đầu ra- đầu vào.

2.3.2.2 Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

- Thực trạng công tác tổ chức quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh :

Hiện chi nhánh chưa có bộ phận chuyên biệt về quản trị rủi ro lãi suất.

+ Ở hội sở : Phòng Kế hoạch - Tổng hợp là bộ phận cập nhật sự biến động lãi suất thị trường và tham mưu cho giám đốc về việc đề ra chính sách lãi suất tại chi nhánh

+ Ở các chi nhánh trực thuộc : Phòng tín dụng là bộ phận thực hiện nghiệp vụ huy động vốn và cho vay, theo dõi chênh lệch lãi suất đầu ra - đầu vào và cân đối nguồn, sử dụng nguồn.

Nhìn chung, công tác này hiện chưa có sự quan tâm đúng mực tại chi nhánh.

- Việc tổ chức nhận diện rủi ro lãi suất tại chi nhánh hiện nay : Diễn biến lãi suất trên thị trường được phòng Kế hoạch - tổng hợp theo dõi, phân tích và đề xuất những giải pháp thích hợp .

- Việc đo lường và phân tích rủi ro lãi suất

+ Chi nhánh vẫn chưa xây dựng một mô hình đo lường rủi ro lãi suất cụ thể nào cho riêng mình.

+ Việc lượng định rủi ro lãi suất chỉ dừng lại ở việc rà soát cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn để xác định khuynh hướng rủi ro chứ chưa đi đến việc lượng định rủi ro một cách cụ thể và bài bản để tìm cách điều tiết phù hợp.

+ Hầu như ngân hàng chưa đánh giá được giá trị thị trường của tài sản và nợ ngân hàng thay đổi như thế nào, vốn của ngân hàng bị ảnh hưởng ra sao khi lãi suất thị trường thay đổi.

- Vấn đề kiểm soát và tài trợ rủi ro lãi suất

+ Về thực hiện kiểm soát rủi ro: Hiện chi nhánh đã có những biện pháp để phòng chống và ứng phó với rủi ro lãi suất như sau :

+ Chủ động cân đối về mặt kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ.
+ Điều chỉnh lãi suất đầu ra để duy trì chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào- đầu ra

+ Sử dụng biện pháp điều chỉnh cơ cấu huy động và cho vay vốn

- + Cân đối phù hợp về mặt thời gian giữa TSC và TSN
- Vấn đề tài trợ rủi ro lãi suất tại chi nhánh chưa được thực hiện

2.4 Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong công tác Quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam

2.4.1 Những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro lãi suất

2.4.1.1 Những tồn tại thuộc về quản lý lãi suất nói chung.

1. Chưa xây dựng được chính sách lãi suất linh hoạt và hợp lý để đảm bảo hoạt động kinh doanh, hiệu quả, an toàn và lành mạnh.
2. Lãi suất huy động vốn và cho vay của Ngân hàng chưa được xây dựng trên cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc, chủ yếu theo kinh nghiệm.
3. Phương thức quản lý lãi suất còn theo cách cố định lãi suất hoàn toàn
 - Đặc biệt lãi suất tiền gửi hầu như được cố định hoàn toàn

2.4.1.2 Những tồn tại thuộc về quản trị rủi ro lãi suất

- Chưa hoàn thiện về mặt tổ chức quản lý rủi ro lãi suất : NH chỉ quan tâm đến các loại rủi ro như : rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản..còn đối với rủi ro lãi suất thì chưa có được sự chú trọng đáng kể.
 - Chưa thiết lập hạn mức rủi ro và cơ chế giám sát rủi ro thích hợp
 - Việc đo lường rủi ro lãi suất còn nhiều bất cập: việc lượng định rủi ro lãi suất chỉ dừng lại ở công tác rà soát cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn để xác định khuynh hướng rủi ro.
 - Công tác thông tin, dự báo trong ngân hàng còn hạn chế, dẫn đến ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất.

2.4.2 Nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

2.4.2.1 Nguyên nhân chủ quan

- Chưa nhận thức một cách đầy đủ vai trò của rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 - Đội ngũ quản trị điều hành và nhân viên của đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản trị rủi ro lãi suất.

- Công nghệ thông tin chưa đáp ứng được công tác điều hành và quản lý rủi ro.
 - Cạnh tranh không lành mạnh giữa các ngân hàng là nguyên nhân gây ra rủi ro lãi suất
- #### **2.4.2.2 Nguyên nhân khách quan .**

- Hành lang pháp lý cho hoạt động quản trị rủi ro lãi suất chưa được hoàn thiện.Thị trường tiền tệ Việt Nam chưa phát triển, vai trò điều tiết của NHNN còn mờ nhạt. Môi trường về thông tin hạn chế làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất của NHTM:..Mức độ quan tâm của Doanh nghiệp về giao dịch công cụ phái sinh và vấn đề phòng chống rủi ro lãi suất còn thấp.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI NHNo & PTNT TỈNH QUẢNG NAM.

3.1. Định hướng hoạt động kinh doanh của NH trong thời gian tới.

3.1.1. Mục tiêu, định hướng:

- Nguồn vốn huy động: nguồn vốn huy động năm 2010 đạt 3.190 tỷ đồng, tăng tuyệt đối 453 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng 16,5% so với năm 2009.
 - Dự nợ: Kế hoạch tổng dự nợ năm 2010 đạt 2.760 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với năm trước
 - Tỷ lệ nợ xấu . < 5%:

3.1.2 Những chương trình công tác chính

- Định hướng kinh doanh của NH trong thời gian đến cho thấy qui mô Tài sản nợ- có sẽ tiếp tục tăng trưởng. Chi nhánh cũng đang trong quá trình cơ cấu lại tổ chức, đầu tư công nghệ cho phù hợp với tình hình mới. Đặc biệt, mục tiêu nâng cao năng lực quản trị điều hành và khẩn trương phát triển các kỹ năng quản trị ngân hàng hiện đại, phấn đấu trở

thành ngân hàng hiện đại theo các chuẩn mực quốc tế... cho thấy công tác quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh càng cần được đặt biệt quan tâm hơn và hoàn toàn có cơ sở để thực hiện các giải pháp nêu ra dưới đây.

3.2 Giải pháp đối với NHNo &PTNT tỉnh Quảng Nam nhằm hoàn thiện quản trị rủi ro lãi suất .

3.2.1 Nhà quản trị ngân hàng cần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro lãi suất

- Kiến thức về quản trị NH hiện đại còn đang là hạn chế đối với các nhà quản trị tại chi nhánh

- Các nhà quản trị chỉ quan tâm đến các quyết định về cho vay, huy động.

3.2.2 Hoàn thiện công tác tổ chức quản trị rủi ro lãi suất.

3.2.2.1 Xác định trách nhiệm của các bộ phận tham gia vào qui trình quản trị rủi ro lãi suất .

- Hoạt động quản trị rủi ro lãi suất không phải và không thể là một hoạt động tách rời, mà là hoạt động gắn liền với việc quản trị tài sản nợ- tài sản có. Vì vậy, để quản lý rủi ro lãi suất có hiệu quả, đòi hỏi có sự tham gia của rất nhiều các bộ phận, phòng ban với chức năng khác nhau trong cùng một chi nhánh.

3.2.2.2 Thực hiện qui trình, qui chế hoá hoạt động quản trị rủi ro lãi suất

- Ngân hàng cần ban hành chính sách quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh.

- Xây dựng và ban hành qui trình quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh

3.2.3 Hoàn thiện chính sách quản lý lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

3.2.3.1. Xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay .

+ Chính sách lãi suất phải linh hoạt đối với từng đối tượng và nhóm khách hàng khác nhau.

+ Nâng cao quyền tự chủ của các chi nhánh trực thuộc trong việc quyết định lãi suất huy động và cho vay vốn.

3.2.3.2. Hoàn thiện phương pháp hoạch định chính sách tiền gửi và cho vay.

- Phương pháp xác định lãi suất huy động

- Phương pháp xác định lãi suất tài sản sinh lời

3.2.3.3 Thực hiện quản lý lãi suất theo phương pháp kết hợp lãi suất thả nổi và cố định.

Theo kinh nghiệm của các ngân hàng trên thế giới : trước khi đi đến một quyết định nào thì họ thường áp dụng lãi suất cố định đối với các khoản tiền gửi và cho vay ngắn hạn. Áp dụng lãi suất thả nổi đối với các khoản tiền gửi và cho vay trung, dài hạn.

3.2.4 Hoàn thiện phương pháp lượng định rủi ro lãi suất .

3.2.4.1 Phương pháp phân tích tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất.

Để sử dụng phương pháp này chi nhánh cần :

Phân loại tài sản và nợ nhạy cảm với lãi suất theo các kỳ hạn khác nhau và trên cơ sở dự đoán mức độ biến động của lãi suất, sẽ tiến hành lượng định các mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể gánh chịu theo công thức sau :

* Lãi lỗ do biến động của lãi suất = Độ lệch lũy kế X mức độ biến động của lãi suất.

3.2.4.2 Phương pháp phân tích thời lượng.

Để thực hiện phương pháp này, ngân hàng cần tiến hành:

+ Tính toán thời lượng bình quân của tổng tài sản và tổng nợ được phân theo thời kỳ hạn.

+ Phương pháp này đòi hỏi ngân hàng phải thiết kế một hệ thống phần mềm tin học có độ xử lý rất phức tạp.

3.2.5 Hoàn thiện công tác điều tiết để phòng chống rủi ro lãi suất

- Các cách để phòng vệ rủi ro :

+ Phương pháp tiền gửi và cho vay để thay đổi cơ cấu kỳ hạn tài sản và nợ theo hướng có lợi cho ngân hàng khi lãi suất biến động.

+ Ngân hàng điều chỉnh bảng cân đối tài sản bằng cách mua bán chứng khoán, chủ yếu là các chứng khoán dễ chuyển đổi .

+ Sử dụng các nghiệp vụ phái sinh trên thị trường tiền tệ.

+ Biện pháp điều chỉnh cơ cấu huy động và đầu tư có nhược điểm là kém nhạy cảm, phản ứng chậm, hiệu quả phòng ngừa chưa cao. Do vậy, về lâu dài ngân hàng nên sử dụng biện pháp điều tiết thông qua thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ. Chẳng hạn việc mua bán các trái phiếu, tín phiếu trên thị trường chứng khoán hoặc sử dụng các nghiệp vụ phái sinh phòng chống rủi ro lãi suất.

- Ngoài nghiệp vụ hoán đổi lãi suất đã cho phép thực hiện, ngân hàng cần có sự chuẩn bị để áp dụng các công cụ phái sinh vào việc phòng chống rủi ro lãi suất .

- Các nghiệp vụ kỳ hạn và nghiệp vụ quyền chọn cần quan tâm thực hiện trước vì phù hợp với điều kiện ngân hàng hiện nay, các nghiệp vụ về Hợp đồng tương lai và nghiệp vụ sử dụng công cụ phái sinh nên có sự chuẩn bị để sử dụng trong tương lai

3.2.6 Tăng cường kiểm soát nội bộ đối với rủi ro lãi suất .

Việc kiểm soát rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua các việc:

3.2.6.1 Thiết lập hệ thống hạn mức rủi ro lãi suất :

Để kiểm soát rủi ro lãi suất chi nhánh cần thiết lập các hạn mức rủi ro sau: Hạn mức về trạng thái, hạn mức về tổn thất

3.2.6.2 Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản trị rủi ro lãi suất

-Bố trí cán bộ có năng lực và trách nhiệm trong khâu thu thập và phân tích thông tin.

- Tập trung khai thác tốt hệ thống MIS đang có.

3.2.6.3 Quan tâm đến công tác dự báo trong ngân hàng .

Chi nhánh cần chú trọng đến những giải pháp sau :

+ Thứ nhất, cần quan tâm hơn nữa đến công tác huấn luyện những người làm công tác dự báo trong ngân hàng..

+ Thứ hai, đối với quản trị rủi ro lãi suất cần có những phương pháp khoa học dự báo sự biến động trong cơ cấu tài sản, nợ và sự biến động của lãi suất.

3.2.6.4 Thực hiện tốt chế độ báo cáo .

Gồm những báo cáo sau : Báo cáo phân tích sự khác biệt kỳ hạn . Báo phân tích đường cong lãi suất .Báo cáo phân tích tài sản và nợ theo độ nhạy cảm lãi suất.

3.2.7 Thực hiện việc giám sát công tác quản trị rủi ro lãi suất

- Nhiệm vụ giám sát hiện nay được giao cho bộ phận Kiểm tra- Kiểm toán nội bộ (KTKTNB) của chi nhánh

- Bộ phận KTKTNB hiện nay của chi nhánh còn yếu.

- Thời gian đến, chi nhánh cần hoàn thiện và nâng cao năng lực của bộ phận này. Một số gợi ý : Tăng cường đội ngũ nhân viên cho bộ phận KTKTNB. Thay đổi phương pháp và kỹ thuật kiểm toán theo hướng áp dụng kỹ thuật kiểm toán hiện đại. Trong nội dung và kế hoạch kiểm toán hàng năm, cần tăng cường kiểm toán hoạt động quản lý rủi ro, trong đó có rủi ro lãi suất .

3.2.8 Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản trị rủi ro lãi suất .

3.2.9 Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và nhân viên ngân hàng.

- Chú ý tuyển chọn những nhân viên có trình độ, chuyên môn về ngân hàng vào làm việc ở các bộ phận.

Tiến hành một cách đồng bộ và toàn diện việc đào tạo lại và cập nhật kiến thức cho quản trị viên và nhân viên ngân hàng

3.2.10 Các giải pháp khác.

Tăng cường thu ngoài lãi – Thu phí- (Thu ngoài tín dụng)- Một nguồn thu không phụ thuộc vào những thay đổi trực tiếp trong lãi suất và do đó có tỷ lệ rủi ro lãi suất rất thấp- Bằng các giải pháp sau:

3.2.10.1 Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Nâng cao công nghệ và hiện đại hoá hệ thống phân phối, đồng thời

phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử như Homebanking, internet banking, mobile banking. ...

+ Phát triển các dịch vụ phục vụ cho khách hàng Doanh nghiệp như dịch vụ quản lý và chi trả tiền lương cho nhân viên, dịch vụ kiểm đếm, thu nộp và cung ứng tiền mặt. ...

+ Nâng cao chất lượng phục vụ .

3.2.10.2 Tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm mới của ngân hàng đến với doanh nghiệp và người dân.

3.3 Các kiến nghị với NHNN góp phần hỗ trợ các NHTM trong công tác quản trị rủi ro lãi suất .

3.3.1 Hoàn thiện các qui định pháp lý về quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM.

3.3.2 Hoàn thiện cơ chế lãi suất định hướng và nâng cao vai trò điều tiết lãi suất của NHNN.

- Lãi suất cơ bản của NHNN cần sát với lãi suất thị trường hơn và nên công bố theo kịp diễn biến thị trường.

- Nâng cao vai trò điều tiết thị trường của lãi suất trên thị trường mở, thị trường tiền tệ.

3.3.3 Phát triển thị trường tiền tệ, tạo điều kiện cho các NHTM hoàn thiện quản trị rủi ro lãi suất .

- Phát triển thị trường tiền tệ để nâng cao vai trò điều tiết của NHNN đối với lãi suất thị trường và có cơ sở để dự báo lãi suất .

3.4 Kiến nghị đối với NHNN Việt Nam.

3.4.1 Thành lập Ủy ban quản lý tài sản nợ- có (ALCO).

3.4.3 Trang bị phần mềm tin học cho phép truy xuất các dữ liệu cần thiết cho hoạt động quản trị rủi ro lãi suất.

3.4.4 Cần thành lập trung tâm nghiên cứu và dự báo về lãi suất

NHNN hoặc hiệp hội ngân hàng nên thành lập trung tâm chuyên theo dõi, nghiên cứu, để đưa ra các dự báo lãi suất.

KẾT LUẬN

Rủi ro lãi suất là loại rủi ro tiềm ẩn, có tác động tiêu cực đến thu nhập ngân hàng cũng như giá trị vốn chủ sở hữu. Quá trình tự do hoá lãi suất cùng với xu thế hội nhập của ngành ngân hàng Việt Nam vừa tạo điều kiện cho các NHTM có nhiều cơ hội kinh doanh, tạo động lực cho ngân hàng trong việc cạnh tranh nhưng cũng để lại nguy cơ về rủi ro lãi suất rất cao. Vì vậy, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro lãi suất là nhiệm vụ cần thiết phải thực hiện đối với NHTM nói chung và NHNo tỉnh Quảng Nam nói riêng hiện nay.

Xuất phát từ các vấn đề trên, luận văn đã giải quyết được các vấn đề sau:

1- Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận về lãi suất trong nền kinh tế thị trường, bao gồm khái niệm, phân loại lãi suất, các nhân tố tác động đến lãi suất và vai trò của lãi suất trong nền kinh tế thị trường. Luận văn cũng đi vào nghiên cứu lãi suất trong kinh doanh ngân hàng, nghiên cứu mục tiêu, qui trình và các phương pháp quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM

2- Chính sách lãi suất của NHNN qua từng thời kỳ ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM cũng được nghiên cứu trong luận văn. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn rủi ro lãi suất, quản trị lãi suất nói chung và quản trị rủi ro lãi suất nói riêng tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam. luận văn đã chỉ ra những mặt đạt được và những mặt còn tồn tại của công tác này, đồng thời tìm ra nguyên nhân chủ quan, khách quan của tồn tại đó. Đây chính là cơ sở để đưa ra các giải pháp, kiến nghị về công tác quản trị rủi ro lãi suất tại NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam.

3- Để công tác quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh NHNo&PTNT tỉnh Quảng Nam đạt được hiệu quả, cần quan tâm đến hai nhóm giải pháp và kiến nghị. Nhóm giải pháp đối với bản thân

chi nhánh và nhóm kiến nghị đôi với NHNoVN và NHNN. Chi nhánh cần nâng cao nhận thức của nhà quản trị về vai trò của rủi ro lãi suất, hoàn thiện công tác tổ chức quản trị, và có các giải pháp nhằm nâng cao năng lực nhận diện, đo lường, kiểm soát rủi ro lãi suất. Bên cạnh đó, chi nhánh cũng cần quan tâm đến các giải pháp hỗ trợ như : đa dạng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ, tăng cường công tác tiếp thị và nâng cao vốn tự có. Ngoài ra để thuận lợi cho công tác quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM, NHNN nên tạo môi trường pháp lý phù hợp, hoàn thiện cơ chế lãi suất định hướng cũng như từng bước củng cố và phát triển thị trường tiền tệ Việt Nam. Đối với NHNoVN, để hoạt động quản trị rủi ro lãi suất toàn chi nhánh có tính hệ thống và thực hiện thường xuyên, cần thành lập Ủy ban quản lý tài sản nợ- tài sản có (ALCO) và các văn bản qui định về công tác tổ chức, hoạt động quản trị rủi ro lãi suất trong toàn chi nhánh để chi nhánh có cơ sở thực hiện tốt công tác này, cũng như phát triển bổ sung các phần mềm cần thiết. Thành lập trung tâm dự báo lãi suất cho toàn chi nhánh.

Những kết quả nghiên cứu trên chắc chắn chưa giải quyết một cách mỹ mãn yêu cầu của đề tài do các vấn đề đưa ra còn có những thiếu sót và những giải pháp được nêu tất yếu còn cần nghiên cứu thêm. Tác giả rất mong nhận được sự chỉ dẫn của thầy cô và những góp ý, trao đổi của bạn đọc để đề tài được hoàn thiện hơn..